TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-3-2020
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Tám
2. Bà Cấn Thị Thành

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2019 về "Kiện xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Ông Phan Anh S - có mặt
Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.
Bị đơn: Bà Phan Thị H - có mặt.
Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2019 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Anh S trình bày: Ông S và bà Phan Thị H chung sống với nhau từ năm 1992, việc chung sống hai bên hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông S, bà H có 02 con chung tên là Phan Thanh H, sinh năm 1992 và Phan Thị Thu H, sinh năm 1999. Cả 02 con đều đã trưởng thành và lập gia đình ra ở riêng. Thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, xúc phạm nhau, tình trạng này xảy ra từ năm 2018 đến nay. Hiện nay ông S không còn tình cảm vợ chồng với bà H nữa. Do đó, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận ông S và bà H là vợ chồng.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phan Thị H trình bày: Bà và ông Phan Anh S sống chung với nhau từ năm 1992, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông S sống chung với nhau trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Về con chung giống như ông S trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà và ông S là do ông S không chung thủy, ngoại tình với người khác. Bà và ông S đã sống ly thân được 02 năm. Trước yêu cầu khởi kiện của ông S, bà đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông S là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thẩm tra viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do không có đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX không công nhận ông S và bà H là vợ chồng.

Các tài liệu chứng cứ bao gồm: Sổ hộ khẩu gia đình (Bản sao y chứng thực); giấy khai sinh của các cháu Phan Thanh H, Phan Thị Thu H (Bản sao y chứng thực). Đây là các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn ông Phan Anh S khởi kiện bà Phan Thị H về việc "Kiện xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn cư trú tại thôn 10, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Ông Phan Anh S và bà Phan Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này" và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *'Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy đinh tại Điều 15 và Điều 16 Luật này".*

Trong quá trình chung sống từ năm 1992 đến nay ông S và bà H cũng không đi đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Việc ông S và bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay mà không có đăng ký kết hôn với nhau thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, HĐXX có căn cứ tuyên bố không công nhận ông Phan Anh S và bà Phan Thị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Các con đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Anh S.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phan Anh S và bà Phan Thị H là vợ chồng.

Về án phí: Ông Phan Anh S phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002367 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu